

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-PT

Ngày: 19/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Văn Đại và ông Ngô Xuân Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 44/2025/TLPT - HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hồng Q do có kháng cáo của các bị cáo Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 92/2025/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Quang B, xã Quang C (nay là Tổ dân phố Quang B, phường Quang C), thị xã Việt Y, tỉnh Bắc Giang; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/10/2024 đến ngày 16/10/2024; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có 09 bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 11 và 12/9/2024, Nguyễn Ngọc T1, Vi Văn P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Hồng Q, Trần Quốc C1, Nguyễn Trường G,

Nguyễn Đức N, Nguyễn Văn T2 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong công trường của Công ty TNHH Phát triển xây dựng Việt Nam Kiến Hưng, địa chỉ tại: Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Nguyễn Ngọc T1 đang làm tại công trường xây dựng Công ty TNHH Phát triển xây dựng Việt Nam Kiến Hưng thuộc khu công nghiệp Nam Sơn- Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, T1 nảy sinh ý định dùng xe cầu trộm cắp sắt trong công trường để bán lấy tiền. Quá trình làm việc tại công trường, T1 biết được việc điều xe ra vào công trường phải xin giấy phép tổ an ninh và bảo vệ công trường chụp ảnh xe ra vào gửi lên Zalo nhóm của công trường. Vì có mối quan hệ thân quen với Trương Đức T3 là kỹ sư an toàn, kiểm soát an ninh, an toàn, cấp phép giấy tờ xe ra, vào công trường của Công ty Kiến Hưng, T1 đã xin anh T3 cho xe cầu ra ngoài để sửa chữa, T3 đồng ý và T1 nhờ T3 báo với ông Lê Văn C2 và Đặng Đình C1 là bảo vệ ca trực của công trường, cho xe ra mà không cần chụp ảnh.

Khoảng chiều ngày 11/9/2024, T1 nhìn thấy trên thùng xe cầu của Vi Văn P, còn nhiều bó sắt, loại sắt vuông 50mm, dài 6m, còn nguyên đai thì T1 rủ P trộm cắp số sắt trên, P đồng ý. Sau đó, T1 gọi điện rủ Nguyễn Trọng C là người quản lý đầu xe cầu của Công ty Duy Nguyên cùng tham gia việc trộm cắp tài sản, C đồng ý. C rủ thêm Nguyễn Hồng Q là người sửa chữa ô tô, máy xúc, máy cẩu cho Công ty Duy Nguyên thì cả hai đồng ý và chờ ở cổng công trường. Lúc này, P điều khiển xe cầu BKS: 98C-019.23 chở số sắt gồm 400 thanh sắt hộp vuông 50mm, dài 6m, nặng khoảng 8000kg, còn nguyên đai đi ra khỏi cổng công trường. Qua cổng bảo vệ, ông C2 và C1 (bảo vệ của công trường) nghĩ rằng xe xin ra ngoài sửa chữa nên không kiểm tra. Ra khỏi cổng, T1 gọi điện cho Lê Thị T4 làm nghề mua bán phế liệu ở Phố Và, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh để bán sắt, T4 đồng ý mua. Lúc này, P điều khiển xe cầu chở số sắt vừa trộm cắp được, còn T1 cùng C, Q đi theo sau. Khi đến nhà T4, T4 nói cân sắt tại nhà nhưng T1 bảo không cân ở nhà được và bảo T4 đi theo xe đến nơi ít người, T4 hiểu số sắt T1 bán là tài sản trộm cắp mà có nhưng do ham lợi nên vẫn đồng ý mua, T4 nói với chồng là Nguyễn Lý H1, điều khiển xe ô tô BKS: 29K- 044.00 đi theo sự chỉ dẫn của T4 nhưng không nói cho H1 biết là đi mua sắt trộm cắp. Khi đi đến vòng xuyên hướng về Thuận Thành, cách nhà T4 khoảng 2km, tại đây, P điều khiển xe cầu sắt, T1 đứng trên thùng xe cân, còn T4 đứng dưới đất nhìn và ghi các mã cân, cân xong P cẩu số sắt lên thùng xe tải để C xếp. Sau khi cân sắt, P điều khiển xe cầu đi về, còn C và Q đi theo xe tải về nhà T4 thanh toán tiền, T4 dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu hồng chuyển khoản cho C số tiền 64.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, C, Q, P mỗi người được chia 10.000.000 đồng, còn T1 nhận 34.000.000 đồng. T1 nói với cả nhóm là chuyển lại cho T3 20.000.000 đồng, bảo vệ 4.000.000 đồng

để cảm ơn, tuy nhiên, T1 không chuyển mà giữ lại cho bản thân. T4 đã bán số sắt trộm cắp cho các lò sắt thép tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, thành phố Bắc Ninh với giá 9.000 – 9.500 đồng/ kg, T4 thu lợi bất chính 3.700.000 đồng nhưng T4 không nhớ cụ thể các lò nào.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 284/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố Bắc Ninh kết luận:

“- 400 thanh sắt hộp vuông 50mm, dài 6m; nặng khoảng 8000kg trị giá 123.200.000 đồng”

Lần thứ hai: Tối ngày 12/9/2024, sau khi đi ăn cơm với Trương Chí L là kỹ sư an toàn, kiểm soát an ninh, cấp phép giấy tờ xe ra, vào công trường của Công ty Kiến Hưng, T1 đã xin L cho xe cầu ra ngoài sửa chữa, L đồng ý, đồng thời, T1 nhờ L gọi cho 02 người làm thuê móc cầu thì L gọi Nguyễn Trường G và Trần Quốc C1 đi làm cho T1. Do trước đó, T1 thường nhờ L cho T1 đưa xe cầu ra ngoài công trường để làm thêm nên L đồng ý. Khi G và C1 đến công trường thì L đưa G và C1 đến cổng bảo vệ do Nguyễn Đức N và Nguyễn Văn T2, đang làm bảo vệ ở chốt cổng và dặn với C1 và G: “Lát nữa anh T1 đến, anh ấy bảo làm gì thì làm cho anh ấy”, đồng thời, L cũng dặn ông N và ông T2 là: “Lát nữa xe cầu không hàng của T1 ra ngoài sửa chữa thì cho xe ra, khi ra không cần chụp ảnh, khi vào lại thì chụp ảnh để xác nhận”. Sau đó, T1 đi về phòng trọ rủ Vi Văn P đi vào công trường xây dựng lấy trộm sắt đem ra ngoài bán nhưng P say rượu nên không tham gia. Lúc này, do xe cầu có định vị, việc xe đi ra ngoài công trường vào ban đêm sẽ bị phạt nên T1 rủ C và Q cùng tham gia trộm cắp tài sản.

Khi G và C1 đến chốt bảo vệ, T1 ra đón và nói với ông T2 và ông N “Anh L nói chuyện với các chú chưa?”, ông T2 nói “L nói rồi!”, T1 nói tiếp: “Lát cháu ra hàng, xong cháu gửi các chú ít tiền?”, ông T2 và ông N hiểu là T1 chở hàng trộm cắp từ trong công trường ra nên mới không kiểm tra xe ra vào, không chụp ảnh và được trả 5 triệu. Sau đó, T1 điều khiển xe cầu BKS: 29H-290.84 về phía công trường để G và C1 móc các bó sắt lên thùng xe. Tại đây, T1 cầu được 04 bó sắt gồm 90 thanh sắt hộp vuông 50mm, đã được gia công cắt ngắn thành các thanh dài 2m, ; 270 cây sắt phi 12, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m; 30 thanh sắt phi 10, 30 thanh sắt phi 12, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m. Sau đó, T1 bảo G đi xem người quản lý công trường về chưa thì báo lại, khoảng một tiếng sau, G báo cho C1 là quản lý vừa về, nên T1 và C1 lên cabin xe ngồi và cùng số sắt vừa trộm cắp được đi qua chốt cổng bảo vệ do ông N và ông T2 đang làm nhiệm vụ của công trường. Khi ra đến ngoài cổng, T1 điều khiển xe cầu cùng số sắt trộm cắp được đi ra khu vực vòng xuyên Hạp Lĩnh, C điều khiển xe ô tô, nhãn hiệu Mazda CX5, màu đen (C mượn của bạn, không nhớ rõ BKS) chở Q đi theo sau. Trước đó, C đã liên lạc với Phan Đ làm

nghề thu mua phế liệu, hiện đang ở khu đất mới Ninh Khánh, thị trấn Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang để mua tài sản trộm cắp nên Đ đã mượn xe ô tô BKS: 29C-341.35 của anh họ Phan Hoàn và thuê thêm một chiếc xe ô tô của một người tài xế tên T5 (Đ không rõ họ tên, địa chỉ và BKS của chiếc xe này, do thuê ở ven đường). Ra đến khu vực vòng xuyên Hạp Lĩnh, T1 cho xe cầu dừng và cân số sắt vừa trộm cắp được lên xe cho Đ. Quá trình đang cân sắt thì có người đi đến, cả nhóm sợ lộ nên đã điều khiển xe đi đến khu vực vắng cách đó 01km để tiếp tục cân sắt. Đ biết số sắt này là do trộm cắp mà có, do C bán sắt vào lúc đêm khuya, chọn chỗ vắng người qua lại để bán, nhưng do ham lợi nên vẫn đồng ý mua số sắt này. Sau khi bán xong, Đ dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8plus, màu trắng thanh toán cho C số tiền 40.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng. Sau khi nhận được tiền, C thanh toán cho G và C1 mỗi người 2.000.000 đồng, T1 số tiền 15.000.000 đồng (T1 nhận 8.000.000 đồng, còn 7.000.000 đồng sẽ đưa L), chuyển cho P số tiền 5.000.000 đồng (T1 nợ P trước đó). Sau đó, T1, C, Q quay về công trường, tại đây, C đưa cho ông T2 số tiền 5.000.000 đồng. Ông T2 cầm tiền và đi vào chia cho N số tiền 2.500.000 đồng, giữ lại 2.500.000 đồng. Số tiền 11.000.000 đồng còn lại là của Q và C.

Sau khi mua được sắt từ nhóm của T1, Đ đã bán số sắt trộm cắp cho các lò sắt thép nào tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, thành phố Bắc Ninh với giá 9.000 – 9.500 đồng/ kg nhưng không nhớ cụ thể đã bán cho các lò sắt thép nào. Đ thu lợi bất chính 5.600.000 đồng, hiện không thu hồi lại được tài sản trộm cắp

Sáng ngày 13/9/2024, trong quá trình thi công tại công trường, Cao Văn Lâm, là tổ trưởng tổ thép của công trường phát hiện mất một số sắt đã gia công nên Lâm đã báo cho quản lý. Lúc này, P biết số sắt bị mất trên là do nhóm của T1 đã trộm cắp nên báo với T1, T1 đã chuyển cho P số tiền 2.000.000 đồng để P chuyển cho Lâm để giấu việc sắt bị mất cho nhóm của T1. Sau khi nhận được số tiền mà T1 chuyển, P không chuyển cho Lâm mà chỉ nói với Lâm rằng số sắt trên đã cầu đến vị trí khác trong công trường, Lâm không thắc mắc gì.

Ngày 11/10/2024 và 12/10/2024, Nguyễn Ngọc T1, Vi Văn P, Nguyễn Đức N, Lê Thị T4 và Phan Đ đến Công an thành phố Bắc Ninh đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 284/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND thành phố Bắc Ninh kết luận:

- 90 thanh sắt hộp vuông 50mm, đã được gia công cắt ngắn thành các thanh dài 2m; nặng khoảng 1.600 kg trị giá 27.720.000 đồng;
- 270 cây sắt phi 12, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m, nặng khoảng 2600kg trị giá 39.960.000 đồng

- 100 cây sắt lẫn phi 10, 12 đã được gia công thành các thanh dài 4-5m; nặng khoảng 1000kg không đủ cơ sở để định giá”.

Tại đơn trình báo của bị hại trình bày bị trộm cắp “100 cây sắt lẫn phi 10, 12 đã được gia công thành các thanh dài 4-5m; nặng khoảng 1000kg”, tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, tài sản bị trộm cắp là “30 thanh sắt phi 10, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m và 30 thanh sắt phi 12, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m”.

Ngày 08/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Ninh có Công văn số 1702 gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Bắc Ninh về việc đã thu thập tài liệu xác định tài sản cần định giá gồm: “30 thanh sắt phi 10, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m và 30 thanh sắt phi 12, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m”.

Tại Công văn số 46/CV-HĐĐG ngày 14/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố Bắc Ninh trả lời:

“- 30 thanh sắt phi 10, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m trị giá 2.841.000 đồng

- 30 thanh sắt phi 12, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m trị giá 4.440.000 đồng

Tổng giá trị tài sản 60 thanh sắt là 7.281.000 đồng”.

Với nội dung trên, bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2025/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hồng Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Hồng Q 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/10/2024 đến 16/10/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Trọng C, Trần Quốc C1, Nguyễn Trường G, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Đức N, Vi Văn P, Lê Thị T4, Phan Đ; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/3/2025, bị cáo Nguyễn Trọng C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Nguyễn Hồng Q kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 18/6/2025 bị cáo Nguyễn Trọng C có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và trình bày: Năm 2024, bị cáo được Chủ tịch UBND phường Quang Châu tặng Giấy khen vì bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác từ thiện nhân đạo và khuyến học tại địa phương vì vậy vì cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xem xét toàn diện vụ án và phân tích tính chất, hành vi

phạm tội củatừng bị cáo, căn cứ vào nội dung kháng cáo của bị cáo tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q; giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Q.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án của các cơ quan và người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không bị khiêu nại.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Trọng C, Nguyễn Hồng Q có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định do vậy kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 18/6/2025, bị cáo Nguyễn Trọng C có Đơn xin rút kháng cáo. Xét thấy bị cáo rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo C là đúng quy định pháp luật.

[2]Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, bị hại, người liên quan;bản kết luận định giá và các chứng cứ,tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11/9/2024, Nguyễn Ngọc T1, Vi Văn P, Nguyễn Hồng Q và Nguyễn Trọng C lén lút trộm cắp 400 thanh sắt hộp vuông 50mm, dài 6m; nặng khoảng 8000kg trị giá 123.200.000 đồng bán cho Lê Thị T4 với giá 64.000.000 đồng (T1 được 34.000.000 đồng, C, Q và P mỗi người được 10.000.000 đồng). T4 không hứa hẹn trước và biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua, sau đó, T4 đã bán số sắt mua được cho những người không quen biết ở các lò sắt thép ở khu Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được hưởng lợi 3.700.000 đồng. Tài sản không thu hồi được.

Ngày 12/9/2024, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Trường G, Trần Quốc C1, Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Đức N và Nguyễn Văn T2 lén lút trộm cắp: 90 thanh sắt hộp vuông 50mm, đã được gia công cắt ngắn thành các thanh dài 2m; nặng khoảng 1.600 kg trị giá 27.720.000 đồng; 270 cây sắt phi 12, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m, nặng khoảng 2600kg trị giá 39.960.000 đồng; 30 thanh sắt phi 10, đã được gia công thành các thanh dài từ 4-5m trị giá 2.841.000 đồng và 30 thanh sắt phi 12, đã được gia công thành các

thanh dài từ 4-5m trị giá 4.440.000 đồng, tổng giá trị tài sản trộm cắp là **74.441.000 đồng**, số tài sản trên các bị cáo bán cho Phan Đ với giá 40.000.000 đồng (C và G mỗi người được 2.000.000 đồng; T2 và N mỗi người được 2.500.000 đồng; T1 được 15.000.000 đồng; C chuyển cho P 5.000.000 đồng để trả nợ; Q và C được 11.000.000 đồng). Đ không hứa hẹn trước và biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua, sau đó, Đ đã bán số sắt này cho những người không quen biết ở các lò sắt thép ở khu Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được hưởng lợi 5.600.000 đồng. Tài sản không thu hồi được.

Ngày 13/9/2024, Vi Văn P biết T1 trộm cắp tài sản của công trường nên đã nhận của T1 số tiền 2.000.000 đồng để che giấu cho T1, P nói với quản lý công trường là đã chuyển số sắt bị mất đi chỗ khác, chứ không bị mất.

Như vậy, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Trọng C đã hai lần trộm cắp tài sản trị giá 197.641.000 đồng. Nguyễn Trường G, Trần Quốc C1, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Đức N trộm cắp tài sản trị giá 74.441.000 đồng. Vi Văn P trộm cắp tài sản trị giá 123.200.000 đồng và che giấu cho hành vi trộm cắp tài sản của T1 cùng đồng phạm vào ngày 12/9/2024.

Do vậy Bản án sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng Q, phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần xử lý nghiêm khắc bị cáo bằng pháp luật Hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm 02 Giấy khen của Chủ tịch UBND phường Quang Châu đối với bị cáo vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ thiện nhân đạo và khuyến học tại địa phương nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo phạm tội 2 lần, những lần phạm tội đều thuộc trường hợp nghiêm trọng vì vậy bản án sơ thẩm đã đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không nặng nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hồng Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hồng Q.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Hồng Q 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 19/6/2025, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/10/2024 đến 16/10/2024.

Áp dụng khoản 3 Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định bắt tạm giam các bị cáo Nguyễn Hồng Q 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm việc thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hồng Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC10 - CA tỉnh BN;
- Trại tạm giam CA tỉnh BN;
- TAND thành phố BN;
- CQCSĐT; VKS thành phố BN;
- Cục THADS tỉnh BN;
- Bị cáo;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu